

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ SOÁT XÉT
CHO GIAI ĐOẠN HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/01/2011 ĐẾN NGÀY 30/6/2011

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 22

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO3

Khối 3, Phường Trung Đô
Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO3 (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Văn Huy	Chủ tịch
Ông Đậu Ngọc Thanh	Thành viên
Ông Nguyễn Khắc Thân	Thành viên
Bà Trần Thị Lương	Thành viên
Bà Trần Thị Phương Mai	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Đậu Ngọc Thanh	Giám đốc
--------------------	----------

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011 từ trang 3 đến trang 22, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Đậu Ngọc Thanh
Giám đốc

Nghệ An, ngày 08 tháng 8 năm 2011

Số. 419/BCSX 2011- ACA

BÁO CÁO
KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO3
CHO GIAI ĐOẠN HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/01/2011 ĐẾN NGÀY 30/6/2011

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
 Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO3

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán của Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO3 tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011. Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính từ trang 3 đến trang 22 thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính, công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Chu Quang Tùng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1022/KTV
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH
Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Kreston International
Hà Nội, ngày 08 tháng 8 năm 2011

Nguyễn Hoàng Dũng
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1106/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

Mẫu B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2011	31/12/2010
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		17.252.927.958	19.112.908.169
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	43.856.712	290.594.751
1. Tiền	111		43.856.712	290.594.751
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		9.653.999.361	16.021.204.565
1. Phải thu khách hàng	131		7.908.540.392	13.829.462.883
2. Trả trước cho người bán	132		74.121.100	69.125.800
5. Các khoản phải thu khác	135	5.2	1.874.583.126	2.325.861.139
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(203.245.257)	(203.245.257)
IV. Hàng tồn kho	140	5.3	5.157.613.510	1.534.864.290
1. Hàng tồn kho	141		5.157.613.510	1.534.864.290
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.397.458.375	1.266.244.563
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.4	1.111.238.046	347.283.691
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		93.482.692	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.5	1.192.737.637	918.960.872
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200 =220+250+260)	200		4.548.891.395	5.328.955.436
II. Tài sản cố định	220		3.066.299.520	3.318.832.936
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	2.944.863.882	2.841.971.301
- Nguyên giá	222		10.012.909.882	9.804.314.059
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.068.046.000)	(6.962.342.758)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.7	121.435.638	476.861.635
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.8	1.475.000.000	2.000.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		2.500.000.000	2.500.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(1.025.000.000)	(500.000.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		7.591.875	10.122.500
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		7.591.875	10.122.500
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		21.801.819.353	24.441.863.605

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

Mẫu B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011	31/12/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		7.005.433.741	8.212.670.289
I. Nợ ngắn hạn	310		6.887.633.971	8.069.154.387
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.9	707.598.679	1.196.895.002
2. Phải trả người bán	312		222.998.878	676.060.740
3. Người mua trả tiền trước	313		3.030.706.511	1.341.961.939
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.10	383.269.427	1.012.568.507
5. Phải trả người lao động	315		1.296.630.269	1.576.482.988
6. Chi phí phải trả	316		16.740.578	8.171.373
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.11	1.140.847.296	1.736.803.653
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	468.164.274
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		88.842.333	52.045.911
II. Nợ dài hạn	330		117.799.770	143.515.902
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		117.799.770	143.515.902
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		14.796.385.612	16.229.193.316
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.12	14.796.385.612	16.229.193.316
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		13.197.100.000	13.197.100.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		8.860.000	8.860.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.127.969.892	1.032.322.293
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		392.179.921	308.085.975
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		70.275.799	1.682.825.048
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		21.801.819.353	24.441.863.605

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2011	31/12/2010
5. Ngoại tệ các loại (USD)		938	938

Đậu Ngọc Thanh

Giám đốc

Nghệ An, ngày 8 tháng 8 năm 2011

Trần Thị Lương

Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO3

Khối 3, Phường Trung Đô
 Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

MẪU B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.13	1.630.652.882	4.089.633.870
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		1.630.652.882	4.089.633.870
4. Giá vốn hàng bán	11	5.14	1.001.744.383	3.200.270.157
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		628.908.499	889.363.713
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.15	172.596.395	79.592.528
7. Chi phí tài chính	22	5.16	547.734.705	42.934.292
<i>Trong đó: Lãi vay phải trả</i>	23		<i>22.734.705</i>	<i>42.934.292</i>
8. Chi phí bán hàng	24		5.295.000	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		326.139.613	513.712.709
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		(77.664.424)	412.309.240
11. Thu nhập khác	31	5.17	230.110.359	94.978.878
12. Chi phí khác	32	5.18	89.173.051	2.934.130
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		140.937.308	92.044.748
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		63.272.884	504.353.988
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.19	(6.056.779)	126.088.497
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		69.329.663	378.265.491
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.20	53	287

Đậu Ngọc Thanh
Giám đốc

Nghệ An, ngày 08 tháng 8 năm 2011

Trần Thị Lương
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

Mẫu B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		8.814.220.971	4.905.474.319
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(3.711.105.790)	(2.469.936.593)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(1.848.517.160)	(1.828.340.633)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(22.734.705)	(42.934.292)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(45.211.600)	(184.001.928)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		114.534.844	923.796.257
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(892.740.963)	(1.485.799.989)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		2.408.445.597	(181.742.859)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(176.285.908)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		50.000.000	104.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(2.538.000.000)	(1.583.672.300)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		2.200.000.000	33.400.696
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		35.553.687	79.592.528
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(252.446.313)	(1.542.964.984)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1.107.598.679	2.173.055.242
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(2.058.655.002)	(1.064.715.017)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.451.681.000)	(1.451.681.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(2.402.737.323)	(343.340.775)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(246.738.039)	(2.068.048.618)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	290.594.751	2.129.138.773
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	573.473
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	43.856.712	61.663.628

Đậu Ngọc Thanh
Giám đốc

Nghệ An, ngày 08 tháng 8 năm 2011

Trần Thị Lương
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO3

Khối 3, Phường Trung Đô

Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO3 là Công ty hoạt động độc lập trong mô hình Công ty mẹ - Công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam, được thành lập theo Quyết định số 122/2003/QĐ-BCN ngày 11 tháng 7 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc chuyển Xi nghiệp Bê tông ly tâm và Xây dựng Điện Vinh thuộc Công ty Xây lắp Điện 3 (nay là Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam – VNECO) thành Công ty Cổ phần Xây lắp Điện 3.3, được đổi tên thành Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO3 theo Quyết định số 03/XLD3.3-HĐQT ngày 20 tháng 02 năm 2006 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Xây lắp Điện 3.3.

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2900576216 ngày 20/11/2003 và đăng ký lại lần 4 ngày 11/7/2009. Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh là 13.197.100.000 đồng.

Vốn thực góp của Công ty tại thời điểm ngày 30/6/2011 là 13.197.100.000 đồng (Mười ba tỷ, một trăm chín mươi bảy triệu, một trăm nghìn đồng chẵn).

Hình thức sở hữu vốn: Hồn hợp.

Cơ cấu vốn của Công ty tại ngày 30/6/2011 như sau:

- Tỷ lệ vốn của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam: 52,9%.
- Tỷ lệ vốn của các đối tượng khác: 47,1%.

Ngành nghề kinh doanh, số lao động và trụ sở chính

Xây lắp các công trình nguồn điện, hệ thống lưới điện và trạm biến áp điện đến 500 KV, công trình xây lắp công nghiệp và dân dụng, công trình giao thông thủy lợi; Sản xuất các sản phẩm bê tông, sản xuất phụ kiện điện; Gia công cơ khí, mạ nhôm kẽm nóng; Dịch vụ vận tải hàng hóa; Xử lý nền móng các công trình; Khai thác kinh doanh cát, đá, sỏi và các chủng loại vật liệu xây dựng.

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 30/6/2011 là 97 người.

Trụ sở chính: Khối 3, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam. Báo cáo tài chính hàng quý được trình bày theo dạng đầy đủ như Báo cáo tài chính năm.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ.

Kỷ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch.

Báo cáo tài chính này lập cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011.

3. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG VÀ THỰC HIỆN CÁC CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VIỆT NAM

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và theo hướng dẫn sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

Công ty đã thực hiện các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng Chuẩn mực, Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Các khoản trả trước ngắn hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn gồm công cụ, dụng cụ có giá trị nhỏ, được phân bổ trong vòng 1 năm và các chi phí quản lý của các công trình chưa hoàn thành trong kỳ.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung (nếu có) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính được xác định theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng đầu tư tài chính được trích lập theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số Năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06-50
Máy móc, thiết bị	06-12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-08

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán dựa trên các Biên bản nghiệm thu, quyết toán từng phần hoặc toàn bộ công trình.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho Cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Công ty hạch toán thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các Luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO3

Khối 3, Phường Trung Đô

Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****5.1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/6/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tiền mặt	2.829.012	14.337.983
Tiền gửi ngân hàng (VND)	23.278.382	258.507.450
Tiền gửi ngân hàng (USD)	17.749.318	17.749.318
Cộng	43.856.712	290.594.751

5.2 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	30/6/2011	31/12/2010
	VND	VND
Cho Cán bộ công nhân viên vay	972.914.419	1.595.379.128
Phải thu Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam	517.849.288	344.094.288
Phải thu tiền đền bù	38.461.750	133.866.750
Công ty CP Chứng khoán Tân Việt (cổ tức SBA)	87.500.000	-
Phải thu khác	257.857.669	252.520.973
Cộng	1.874.583.126	2.325.861.139

5.3 HÀNG TỒN KHO

	30/6/2011	31/12/2010
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	974.225.980	483.395.714
Công cụ, dụng cụ	36.275.786	29.102.701
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.177.139.031	268.181.750
Thành phẩm	1.965.814.794	750.026.206
Hàng gửi bán	4.157.919	4.157.919
Cộng	5.157.613.510	1.534.864.290

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO3

Khối 3, Phường Trung Đô

Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***5.4 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN**

	30/6/2011	31/12/2010
	VND	VND
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	294.641.564	344.753.066
Chi phí quản lý các công trình chưa hoàn thành	692.241.089	2.530.625
Chi phí sửa chữa phân bổ dần trong năm	124.355.393	-
Cộng	1.111.238.046	347.283.691

5.5 TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	30/6/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tạm ứng	1.192.737.637	918.960.872
Cộng	1.192.737.637	918.960.872

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO3

Khởi 3, Phường Trung Đô
 Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Mẫu B 09 - DN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 31/12/2010	3.941.969.905	2.994.221.241	2.510.035.407	358.087.506	9.804.314.059
Tăng trong kỳ	-	379.810.108	14.500.000	-	394.310.108
Mua trong kỳ	-	379.810.108	14.500.000	-	394.310.108
Giảm trong kỳ	-	-	185.714.285	-	185.714.285
Thanh lý, nhượng bán	-	-	185.714.285	-	185.714.285
Số dư tại 30/6/2011	3.941.969.905	3.374.031.349	2.338.821.122	358.087.506	10.012.909.882
Số dư tại 31/12/2010	3.130.368.465	2.118.192.479	1.499.696.398	214.085.416	6.962.342.758
Tăng trong kỳ	25.627.451	68.341.609	97.843.032	11.892.469	203.704.561
Khấu hao trong kỳ	25.627.451	68.341.609	97.843.032	11.892.469	203.704.561
Giảm trong kỳ	-	-	98.001.319	-	98.001.319
Thanh lý, nhượng bán	-	-	98.001.319	-	98.001.319
Số dư tại 30/6/2011	3.155.995.916	2.186.534.088	1.499.538.111	225.977.885	7.068.046.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 31/12/2010	811.601.440	876.028.762	1.010.339.009	144.002.090	2.841.971.301
Tại 30/6/2011	785.973.989	1.187.497.261	839.283.011	132.109.621	2.944.863.882

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng là 2.180.450.392 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO3

Khố 3, Phường Trung Đô

Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B 09 - DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***5.7 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG**

	30/6/2011	31/12/2010
	VND	VND
Xe Maz cần trục CMK – 10	121.435.638	121.435.638
Kho đựng dụng cụ	-	4.353.356
Giàn quay cột dự ứng lực	-	54.020.908
Giàn quay cột ly tâm	-	17.900.000
Giàn quăn đai cột bê tông dự ứng lực	-	7.151.733
Khuôn quay cột dự ứng lực 8,5m	-	212.000.000
Khuôn quay cột dự ứng lực 7,5m	-	40.000.000
Bộ cằng thép cho cột 8,5m	-	20.000.000
Cộng	121.435.638	476.861.635

5.8 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

		30/6/2011		31/12/2010
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
	Cổ phiếu	VND	Cổ phiếu	VND
Cổ phiếu SBA	250.000	2.500.000.000	250.000	2.500.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	-	(1.025.000.000)	-	(500.000.000)
Cộng	250.000	1.475.000.000	250.000	2.000.000.000

5.9 VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/6/2011	31/12/2010
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bến Thủy (*)	367.598.679	1.196.895.002
Vay cá nhân (**)	340.000.000	-
Cộng	707.598.679	1.196.895.002

Chi tiết các hợp đồng vay chưa trả hết và phát sinh trong kỳ:*(*) Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bến Thủy*

Theo Hợp đồng số 01/HĐTD ngày 15/6/2011, thời hạn vay 06 tháng; lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 21,5%/năm. Sau 1 tháng xác định lại lãi suất 1 lần, lãi suất xác định lại bằng lãi suất tiết kiệm USD loại kỳ hạn 03 tháng, lãi trả sau của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Bến Thủy tại thời điểm xác định lãi suất và biên độ. Dư nợ gốc tại ngày 30/6/2011 là 197.808.679 đồng.

Theo Hợp đồng số 02/HĐTD ngày 28/6/2011, thời hạn vay 06 tháng; lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 21,5%/năm. Sau 1 tháng xác định lại lãi suất 1 lần, lãi suất xác định lại bằng lãi suất tiết kiệm USD loại kỳ hạn 03 tháng, lãi trả sau của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Bến Thủy tại thời điểm xác định lãi suất và biên độ. Dư nợ gốc tại ngày 30/6/2011 là 169.790.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO3

Khối 3, Phường Trung Đô

Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***5.9 CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (tiếp theo)***(**) Vay cá nhân*

Theo Hợp đồng tín dụng số 01/2011 ngày 14/6/2011, thời hạn vay 06 tháng, lãi suất trong hạn là 18%/năm, dư nợ gốc vay tại ngày 30/6/2011 là 140.000.000 đồng.

Theo Hợp đồng tín dụng số 02/2011 ngày 16/6/2011, thời hạn vay 03 tháng, lãi suất trong hạn là 18%/năm, dư nợ gốc vay tại ngày 30/6/2011 là 200.000.000 đồng.

5.10 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	30/6/2011	31/12/2010
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	578.030.701
Thuế thu nhập doanh nghiệp	383.269.427	434.537.806
Cộng	383.269.427	1.012.568.507

5.11 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/6/2011	31/12/2010
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	57.091.820	90.150.193
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	232.939.154	195.210.161
Phải trả Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam	17.476.000	97.900.925
Ông Đoàn Văn Hới	303.326.842	301.251.960
Ông Đậu Văn Tiến	223.936.664	715.260.004
Phải trả, phải nộp khác	306.076.816	337.030.410
Cộng	1.140.847.296	1.736.803.653

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO3

Khối 3, Phường Trung Đô
 Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**Mẫu B 09 - DN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5.12 VỐN CHỦ SỞ HỮU**5.12.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư tại 31/12/2009	13.197.100.000	8.860.000	730.341.602	212.124.584	1.935.988.333	16.084.414.519
Tăng trong năm	-	-	301.980.691	95.961.391	1.682.825.048	2.080.767.130
Lãi	-	-	-	-	1.682.825.048	1.682.825.048
Phân phối lợi nhuận	-	-	301.980.691	95.961.391	-	397.942.082
Giảm trong năm	-	-	-	-	1.935.988.333	1.935.988.333
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	1.935.988.333	1.935.988.333
Số dư tại 31/12/2010	13.197.100.000	8.860.000	1.032.322.293	308.085.975	1.682.825.048	16.229.193.316
Số dư tại 31/12/2010	13.197.100.000	8.860.000	1.032.322.293	308.085.975	1.682.825.048	16.229.193.316
Tăng trong kỳ	-	-	95.647.599	84.093.946	69.329.663	249.071.208
Lãi	-	-	-	-	69.329.663	69.329.663
Phân phối lợi nhuận	-	-	95.647.599	84.093.946	-	179.741.545
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	1.681.878.912	1.681.878.912
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	1.681.878.912	1.681.878.912
Số dư tại 30/6/2011	13.197.100.000	8.860.000	1.127.969.892	392.179.921	70.275.799	14.796.385.612

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO3

Khố 3, Phường Trung Đô

Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***5.12 VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)****5.12.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

Nội dung	Đến ngày 30/06/2011			Trong đó	
	Tổng số cổ phần	Số tiền (VND)	Tỷ lệ (%)	Số cổ phần thưởng	Số cổ phần ưu đãi
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam	698.572	6.985.720.000	52,93	698.572	-
Vốn góp của cổ đông khác	621.138	6.211.380.000	47,07	621.138	-
Cộng	1.319.710	13.197.100.000	100,00	1.319.710	-

5.12.3 LỢI NHUẬN SAU THUẾ CHƯA PHÂN PHỐI

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011 VND
Số dư đầu kỳ	1.682.825.048
Lợi nhuận phát sinh trong kỳ	69.329.663
Lãi	69.329.663
Phân phối lợi nhuận	1.681.878.912
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	95.647.599
Trích lập Quỹ dự phòng tài chính	84.093.946
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	50.456.367
Chia cổ tức (11,00%)	1.451.681.000
Số dư cuối kỳ	70.275.799

5.13 DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011 VND	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010 VND
Doanh thu xây lắp	502.957.546	2.514.412.318
Doanh thu sản xuất công nghiệp	995.281.349	1.308.872.743
Doanh thu ép cọc và xử lý nền móng	112.083.096	234.764.729
Doanh thu khác	20.330.891	31.584.080
Cộng	1.630.652.882	4.089.633.870

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO3

Khối 3, Phường Trung Đô

Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***5.14 GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011 VND	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010 VND
Giá vốn xây lắp	276.216.512	1.942.900.481
Giá vốn sản xuất công nghiệp	629.863.326	969.494.127
Giá vốn ép cọc và xử lý nền móng	61.299.936	193.374.947
Giá vốn khác	34.364.609	94.500.602
Cộng	1.001.744.383	3.200.270.157

5.15 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011 VND	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	85.096.395	79.592.528
Cổ tức được chia	87.500.000	-
Cộng	172.596.395	79.592.528

5.16 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011 VND	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010 VND
Chi phí lãi vay	22.734.705	42.934.292
Chi phí dự phòng tài chính dài hạn	525.000.000	-
Cộng	547.734.705	42.934.292

5.17 THU NHẬP KHÁC

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011 VND	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010 VND
Thu thanh lý, nhượng bán	50.000.000	94.545.455
Hoàn nhập dự phòng quỹ tiền lương	178.561.402	-
Thu nhập khác	1.548.957	433.423
Cộng	230.110.359	94.978.878

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO3

Khối 3, Phường Trung Đô

Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***5.18 CHI PHÍ KHÁC**

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011 VND	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010 VND
Chi thanh lý, nhượng bán	87.712.966	-
Chi khác	1.460.085	2.934.130
Cộng	89.173.051	2.934.130

5.19 CHI PHÍ THUẾ TNDN HIỆN HÀNH

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011 VND	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	63.272.884	504.353.988
Trừ thu nhập được miễn thuế (*)	87.500.000	-
Thu nhập chịu thuế	(24.227.116)	504.353.988
Thuế suất áp dụng	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (**)	(6.056.779)	126.088.497
Chi phí thuế TNDN hiện hành	(6.056.779)	126.088.497

(*) Thu nhập không chịu thuế là khoản cổ tức với số tiền là 87.500.000 đồng của cổ phiếu Công ty Cổ phần Sông Ba. (Theo điểm 6 điều VI phần C Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính).

(**) Thuế thu nhập doanh nghiệp là số tạm tính và sẽ được quyết toán bù trừ vào cuối năm tài chính theo các quy định về thuế thu nhập hiện hành.

5.20 CỔ PHIẾU VÀ LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**5.20.1 CỔ PHIẾU**

	30/6/2011	31/12/2010
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.319.710	1.319.710
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.319.710	1.319.710
Cổ phiếu phổ thông	1.319.710	1.319.710
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.319.710	1.319.710
Cổ phiếu phổ thông	1.319.710	1.319.710
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu</i>		

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO3

Khối 3, Phường Trung Đô

Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***5.20 CỔ PHIẾU VÀ LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU (tiếp theo)****5.20.2 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011 VND	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN	69.329.663	378.265.491
Lợi nhuận hoặc (lỗ) phân bổ cho Cổ đông phổ thông	69.329.663	378.265.491
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.319.710	1.319.710
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	53	287

5.21 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các Công ty trong mô hình Công ty mẹ - Công ty con của VNECO bao gồm:

Số TT	Tên công ty	Địa chỉ
1	Tổng Công ty Cổ phần xây dựng Điện Việt Nam - VNECO - Công ty mẹ	Số 234 - Đường Nguyễn Văn Linh - Quận Thanh Khê – TP Đà Nẵng
2	Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO4	Số 197 - Đường Nguyễn Trường Tộ - TP Vinh - Tỉnh Nghệ An
3	Công ty Cổ phần Du lịch Xanh Nghệ An	Số 2 - Đường Mai Hắc Đế - TP Vinh - Tỉnh Nghệ An
4	Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO8	Số 10 - Đường Đào Duy Từ - TP Buôn Mê Thuột - Tỉnh Đắk Lắk
5	Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng VNECO	Quận Hải Châu – TP Đà Nẵng
6	Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO12	Tiểu khu 7 phường Bắc Lý - TP Đồng Hới - Tỉnh Quảng Bình
7	Công ty Cổ phần Du lịch Xanh Huế	Số 2 - Đường Lê Lợi - TP Huế
8	Công ty Cổ phần kết cấu thép MECA	Lô B1 Khu công nghiệp Hiệp Phước - Nhà Bè - TP Hồ Chí Minh
9	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại VNECO Hà Nội	Toà nhà Phúc Thanh, văn phòng 5 Trung Hoà - Quận Cầu Giấy - TP Hà Nội
10	Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO2	Số 13 - Đường Mai Hắc Đế - TP Vinh - Tỉnh Nghệ An

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO3

Khối 3, Phường Trung Đô

Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**Mẫu B 09 - DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***5.21 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)****Thông tin về các bên liên quan**

Năm 2011 các giao dịch chủ yếu giữa các bên liên quan với Công ty là cung ứng và nhận dịch vụ xây dựng các công trình điện năng, khối lượng các giao dịch thể hiện trên số liệu theo dõi chi tiết phải thu, phải trả, cụ thể như sau:

Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam là Công ty mẹ của Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO3. Các nghiệp vụ phát sinh chủ yếu với Công ty mẹ trong năm tài chính gồm:

Phải thu

Đơn vị: VND

Số TT	Nội dung	Số dư đầu năm	Số phát sinh tăng	Số phát sinh giảm	Số dư cuối kỳ
1	Hợp đồng xây lắp	8.317.912.481	222.288.000	5.031.775.354	3.508.425.127
2	Kinh phí đền bù	49.741.206	508.908.082	40.800.000	517.849.288
3	Phải thu khác	689.788.275	-	-	689.788.275
	Cộng	9.057.441.962	731.196.082	5.072.575.354	4.716.062.690

Phải trả

Đơn vị: VND

Số TT	Nội dung	Số dư đầu năm	Số phát sinh tăng	Số phát sinh giảm	Số dư cuối kỳ
1	Các khoản phải trả khác	9.260.000	96.116.925	87.900.925	17.476.000
	Cộng	9.260.000	96.116.925	87.900.925	17.476.000

Các nghiệp vụ chủ yếu phát sinh với các bên liên quan khác như sau:

Phải thu

Đơn vị: VND

Số TT	Tên Công ty	Số dư đầu năm	Số phát sinh tăng	Số phát sinh giảm	Số dư cuối kỳ
1	Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO2	130.046.250	-	24.908.598	105.137.652
2	Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO4	739.365.160	-	266.457.893	472.907.267
3	Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO9	504.255.621	100.277.805	604.533.426	-
4	Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO10	307.211.743	-	100.000.000	207.211.743

Phải trả

Đơn vị: VND

Số TT	Tên Công ty	Số dư đầu năm	Số phát sinh tăng	Số phát sinh giảm	Số dư cuối kỳ
1	Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO2	11.489.917	-	-	11.489.917
2	Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO4	15.531.791	-	15.531.791	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO3

Khối 3, Phường Trung Đô

Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***5.22 CÁC KHOẢN CAM KẾT**

Công ty không có khoản cam kết thuê hoạt động nào tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2011.

5.23 CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Công ty không có khoản công nợ tiềm tàng nào khác cần điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

5.24 SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ

Công ty không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán cần trình bày trên Báo cáo tài chính.

5.25 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 là số liệu đã được kiểm toán và số liệu cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010 là số liệu đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học thành phố Hồ Chí Minh.

Đậu Ngọc Thanh**Giám đốc***Nghệ An, ngày 8 tháng 8 năm 2011*

Trần Thị Lương**Kế toán trưởng**